**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II MÔN TOÁN – LỚP 6**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**(1**)** | **Chương/Chủ đề**(2) | **Nội dung/đơn vị kiến thức**(3) | **Mức độ đánh giá**(4-11) | **Tổng % điểm**(12) |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Phân số** | ***Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số*** |  |  | 2(TN1TN2) | 1(TL13a) |  |  |  |  | 110% |
| ***Các phép tính với phân số*** |  |  |  |  |  | 1(TL14) |  |  | 110% |
| **2** | **Số thập phân** | ***Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm*** |  |  |  | 1(TL13b) |  |  |  | 1(TL18) | 1,515% |
| **3** | **Các hình học** **cơ bản** | ***Điểm, đường thẳng, tia*** | 1(TN3) | 1(TL15) |  |  |  |  |  |  | 1,2512,5% |
| ***Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng*** | 2(TN4TN5) |  |  |  |  |  |  |  | 0,55% |
| ***Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc*** | 2(TN6TN7) | 1(TL16) |  |  |  |  |  |  | 220% |
| 4 | **Dữ liệu và xác suất thực nghiệm** | ***Thu thập và tổ chức dữ liệu*** | 1(TN8) |  | 2(TN9TN10) |  |  |  |  |  | 0,757,5% |
| ***Phân tích và xử lí dữ liệu*** |  |  | 2(TN11TN12) |  |  |  |  |  | 0,55% |
| ***Một số yếu tố xác suất*** |  |  |  | 1(TL16a) |  | 1(TL16b) |  |  | 1,515% |
| **Tổng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tỉ lệ %** | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | **70%** | **30%** | **100** |

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com

Một sản phẩm của cộng đồng facebook Thư Viện VnTeach.Com

https://www.facebook.com/groups/vnteach/

https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/

**BẢN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ MÔN TOÁN -LỚP 6**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá**  | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Phân số** | ***Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số*** | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm.– Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số.– Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số.– Nhận biết được số đối của một phân số.– Nhận biết được hỗn số dương. |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***– Hiểu được hai tính chất cơ bản của phân số.– So sánh được hai phân số cho trước. |  | 3(TN1TN2TL13a)1,0 |  |  |
| ***Các phép tính với phân số*** | ***Vận dụng:***– Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số.– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...). |  |  | 1(TL14)1,0 |  |
| **2** | **Số thập phân** | ***Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm*** | ***Thông hiểu:***– So sánh được hai số thập phân cho trước. |  | 1(TL13b)0,5 |  |  |
| ***Vận dụng cao:***– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm. |  |  |  | 1(TL18)1,0 |
| **3** | **Các hình hình học cơ bản** | ***Điểm, đường thẳng, tia*** | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.– Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song.– Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.– Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm.– Nhận biết được khái niệm tia. | 2(TN3TL15)1,25 |  |  |  |
| ***Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng*** | ***Nhận biết:*** –Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. | 2(TN4TN5)0,5 |  |  |  |
| ***Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc*** | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được khái niệm góc, điểm trong của góc (không đề cập đến góc lõm). – Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).– Nhận biết được khái niệm số đo góc. | 3(TN6TN7TL16)2,0 |  |  |  |
| **4** | **Dữ liệu và xác suất thực nghiệm** | **Thu thập và tổ chức dữ liệu** | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản. | 1(TN8)0,25 |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***– Mô tả được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). |  | 2(TN9TN10)0,5 |  |  |
| **Phân tích và xử lí dữ liệu** | ***Thông hiểu:*** – Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*).  |  | 2(TN11TN12)0,5 |  |  |
| **Một số yếu tố xác suất** | ***Thông hiểu:*** – Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  | 1(TL17a)0,5 |  |  |
| ***Vận dụng:*** – Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản.  |  |  | 1(TL17b)1,0 |  |
| ***Tổng*** |  | ***4*** | ***3*** | ***2*** | ***1*** |
| ***Tỉ lệ %*** |  | ***40%*** | ***30%*** | ***20%*** | ***10%*** |
| ***Tỉ lệ chung*** |  |  |  |  |  |

**Câu 1**. Các cặp phân số bằng nhau là

 **A. **và . **B. **và .

 **C. **và . **D. **và .

**Câu 2.** Phân số nhỏ nhất trong các phân số  là

 **A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

#### Câu 3: Cho hình vẽ , tia nào trùng với tia Ay?



A. Tia Ax B. Tia AO, AB C. Tia OB, By D. Tia BA

**Câu 4:** Nếu M là một điểm của đoạn thẳng AB thì:

A. M trùng với điểm A

B. M nằm giữa hai điểm A và B

C. M trùng với điểm B

D. M có thể trùng với điểm A, hoặc trùng với điểm B, hoặc nằm giữa hai điểm A và B.

**Câu 5.** Điểm M gọi là trung điểm của đoạn thẳng AB nếu:

A. M cách đều hai điểm A và B

B. M nằm giữa hai điểm A và B

C. M nằm giữa hai điểm A; B và M nằm cách đều hai điểm A và B

D**.** MA **=** 

**Câu 6**: Góc bẹt có số đo bằng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 900 |  B. 1800 |  C. 750  | D. 450 |

**Câu 7:** Lúc 9 giờ thì kim phút và kim giờ của đồng hồ tạo thành góc gì?

 

A.góc nhọn. B. góc vuông. C. góc tù. D. góc bẹt.

**Câu 8:** Trong các phát biểu sau dữ liệu nào không phải là số liệu

A. Cân nặng của trẻ sơ sinh

B. Chiều cao trung bình của học sinh lớp 6

C. Số học sinh yêu thích môn toán

D. Nơi sinh của mỗi học sinh trong lớp.

Trả lời câu hỏi 9 - 10: Nhà bạn Mai mở tiệm kem, bạn ấy muốn tìm hiểu về các loại kem yêu thích của  khách hàng trong tối thứ bảy và thu được kết quả như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Loại kem** | **Kiểm đếm** |
| **Dâu** |  |
| **Khoai môn** |  |
| **Sầu riêng** |  |
| **Sô cô la** |  |
| **Vani**  |  |

Từ bảng kiểm đếm của bạn Mai, em hãy cho biết:

**Câu 9:** Mai đang điều tra về vấn đề gì?

A. Mai đang điều tra về các loại kem được yêu thích của mỗi khách hàng trong tối thứ bảy.

B.Mai đang điều tra về các loại kem.

C.Mai đang điều tra về 27 khách hàng.

D.Mai đang điều tra về số lượng kem được bán ra.

**Câu 10:** Loại kem nào được mọi người yêu thích nhất?

A.Kem khoai môn

B. Kem dâu.

C.Kem sô cô la

D. Kem sầu riêng

Trả lời câu hỏi 11 - 12: Quan sát biểu đồ dân số Việt Nam qua các thập niên



**Câu 11**: Dân số Việt Nam từ năm 1999 đến năm 2009 tăng

A. 87 triệu dân           B. 8 triệu dân             C. 79 triệu dân           D. 10 triệu dân

**Câu 12:** Dân số Việt Nam từ 1979 - 2019 tăng gấp bao nhiêu lần? (Làm tròn chữ số thập phân thứ nhất)

A. 1,7 lần                    B. 2 lần                       C. 1,75 lần                  D. 1,8 lần

**TỰ LUẬN**

**Câu 13 (1 điểm)**

a) So sánh hai phân số và 

b) Tìm các số nguyên x biết: 254,12 < x < 259,7

**Câu 14 (1 điểm).** Thực hiện các phép tính sau (tính hợp lí nếu có thể):

a)  b) 

**Câu 15 (1,0 điểm).** Cho hai điểm A, B cùng thuộc một đường thẳng xy. Vẽ hình và kể tên các tia mà em thấy trên hình.

**Câu 16 (1,5 điểm).** Vẽ góc xAy có số đo bằng 600, sau đó vẽ tia đối Ax' của tia Ax và tia đối Aý của tia Ay.

a) Góc xAy là góc gì? Vì sao?

b) Kể tên các góc đỉnh A không kể các góc bẹt.

**Câu 17 (1,5 điểm).** Dũng gieo một con xúc sắc 100 lần và ghi lại số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo được kết quả như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số chấm xuất hiện | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| Số lần | 30 | 10 | 15 | 20 | 10 | 15 |

Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện:

a) Số chấm xuất hiện là 2

b) Số chấm xuất hiện là số chẵn.

**Câu 18 (1 điểm)** Nồng độ phần trăm của nước muối là tỉ số phần trăm của số gam muối ăn và số gam nước muối. Nếu thêm 50g muối ăn vào 450g nước muối có nồng độ 10% thì thu được nước muối có nồng độ là bao nhiêu?

**ĐÁP ÁN - BIỂU ĐIỂM**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN *(3,0 điểm)***

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| **Đáp án** | A | A | B | A | C | D | B | D | C | D | A | A | C | B | D |

**PHẦN II: TỰ LUẬN*( 7,0 điểm)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **13****(1đ)** |  | a)Ta có ; Vì -99 < -80 nên Vậy b) x {255; 256; 257; 258; 259} | 0,250,250,5 |
| **Câu 14****(1đ)** | a) |  | 0,5 |
| c) |  | 0,250,25 |
| **Câu 15****(1,0 đ)** |  | Các tia gốc A là tia Ax; AB; AyCác tia gốc B là Bx; BA; By | 0,50,250,25 |
| **Câu 16****(1,5 đ)** |  | Vẽ hình đúng 0,5 điểma) góc xAy là góc nhọn vì 00 < 600 < 900b) 4 góc đỉnh A là :  | 0,50,50,5 |
| **Câu 17****(1,5 đ)** | a | Xác suất số chấm xuất hiện là 2 là= 10%Vậy xác suất số chấm xuất hiện là 2 là 10% | 0,5 |
| b | Tổng số lần xuất hiện mặt là số chẵn là: 10 + 20 + 15 = 45 (lần)Xác suất số chấm xuất hiện là số chẵn là:= 45%Vậy xác suất số chấm xuất hiện là số chẵn là 45% | 0,50,5 |
| **Câu 18****(1đ)** |  | Số gam muối ăn có trong 450g nước muối ban đầu là 450.10% = 45 (g)Khi thêm 50 g muối ăn vào lượng nước muối ban đầu thìKhối lượng nước muối thu được là: 50 + 450 = 500 (g)Khối lượng muối ăn có trong lượng nước muối đó là: 45+50 = 95 (g)Nồng độ phần trăm nước muối thu được là: .100% = 19% | 0,250,250,250,25 |

**Lưu ý: Học sinh làm cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa.**